

**CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẤT
VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **72**/TB-LDVT

V/v Công bố thông tin Báo cáo tài chính

Hải Phòng, ngày **03** tháng 02 năm 2026**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020TT-BCTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng (Công ty) thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng

- Mã chứng khoán: TUG
- Địa chỉ: Lô 15 đường Lê Hồng Phong, Phường Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: 02253.569.873 ; Fax: 02253.747.073
- Email công bố thông tin: info@tugtranco.vn ; Website: www.tugtranco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (BCTC đã được kiểm toán năm 2025):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên Trang thông tin điện tử (website) của Công ty vào ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại đường dẫn: www.tugtranco.vn (mục Quan hệ cổ đông).

Chúng tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung đã công bố./.

Người đại diện theo pháp luật 

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2025.





GIÁM ĐỐC

Hoàng Đình Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2025)
Ông Hoàng Đình Quang	Thành viên	(Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2025)
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông Trần Đăng Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông Lê Minh Hải	Thành viên	(Hết nhiệm kỳ ngày 26/06/2025)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	(Hết nhiệm kỳ ngày 26/06/2025)
Ông Chu Tất Đạt	Thành viên	(Hết nhiệm kỳ ngày 26/06/2025)

Ban Kiểm soát

Ông Đào Ngọc Thành	Trưởng Ban	(Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2025)
Bà Đặng Thị Vân Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm lại ngày 26/06/2025)
Bà Vũ Thị Lan Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông Nhữ Văn Nguyên	Thành viên	(Hết nhiệm kỳ ngày 26/06/2025)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hoàng Đình Quang	Giám đốc
Ông Chu Tất Đạt	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Đỗ Ngọc Thắng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Đình Quang

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Số: 48/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03 tháng 02 năm 2026, từ trang 6 đến trang 33 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.593.295.213	75.400.061.303
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25.139.656.602	14.298.158.780
Tiền	111		19.139.656.602	2.298.158.780
Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.071.280.969	60.213.302.754
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	16.368.468.372	19.240.761.019
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	689.680.000	42.344.335.631
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.984.197	189.963.204
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.007.851.600)	(1.561.757.100)
Hàng tồn kho	140	10	1.849.314.282	730.989.387
Hàng tồn kho	141		1.849.314.282	730.989.387
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.533.043.360	157.610.382
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	618.235.682	157.610.382
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.914.807.678	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.231.044.847	6.251.887.211
Tài sản cố định	220		253.000.000	32.486.318
Tài sản cố định hữu hình	221	11	253.000.000	32.486.318
- Nguyên giá	222		42.468.765.971	42.192.765.971
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.215.765.971)	(42.160.279.653)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		80.000.000	80.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.000.000)	(80.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		91.192.271.637	840.417.508
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	91.192.271.637	840.417.508
Tài sản dài hạn khác	260		4.785.773.210	5.378.983.385
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	4.785.773.210	5.378.983.385
TỔNG TÀI SẢN	270		146.824.340.060	81.651.948.514

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		56.482.910.360	22.485.680.771
Nợ ngắn hạn	310		26.362.805.110	18.851.704.290
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.872.373.449	6.067.608.310
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	11.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.260.793.383	700.193.338
Phải trả người lao động	314		7.052.490.942	6.601.409.409
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.588.656.579	381.373.296
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	574.834.507	555.957.687
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.013.656.250	4.534.162.250
Nợ dài hạn	330		30.120.105.250	3.633.976.481
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	30.120.105.250	3.633.976.481
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.341.429.700	59.166.267.743
Vốn chủ sở hữu	410	19	90.341.429.700	59.166.267.743
Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.750.790.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		53.750.790.000	27.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(275.500.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		28.120.267.743	24.183.400.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.745.871.957	7.982.867.743
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.745.871.957	7.982.867.743
TỔNG NGUỒN VỐN	440		146.824.340.060	81.651.948.514

Hải Phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Vũ Thị Lựu

Kế toán trưởng



Đỗ Ngọc Thắng



Hoàng Đình Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	102.480.901.865	99.879.225.052
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.480.901.865	99.879.225.052
Giá vốn hàng bán	11	21	77.519.204.848	78.296.082.924
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.961.697.017	21.583.142.128
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	537.842.711	772.203.054
Chi phí tài chính	22	23	53.820	1.734.510
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	14.383.403.324	12.111.491.182
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.116.082.584	10.242.119.490
Thu nhập khác	31		52.380.000	25.879.999
Chi phí khác	32		86.412.244	81.176.002
Lợi nhuận khác	40		(34.032.244)	(55.296.003)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.082.050.340	10.186.823.487
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.336.178.383	2.203.955.744
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.745.871.957	7.982.867.743
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.453	2.058
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	2.453	2.058

Hải Phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Thị Lựu

Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Thắng

Giám đốc



Hoàng Đình Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	11.082.050.340	10.186.823.487
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	55.486.318	259.907.000
Các khoản dự phòng	03	(553.905.500)	560.893.500
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(525.228.401)	(772.203.054)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	10.058.402.757	10.235.420.933
trước thay đổi vốn lưu động			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	37.768.396.319	(40.217.008.136)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.118.324.895)	251.256.214
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể	11	6.464.681.481	(2.319.062.891)
lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh			
nghiệp phải nộp)			
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	132.584.875	(2.382.270.622)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.753.469.744)	(2.259.874.641)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.946.506.000)	(1.685.869.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	49.605.764.793	(38.377.408.143)
kinh doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(90.627.854.129)	(380.000.000)
và các tài sản dài hạn khác			
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận	27	537.951.689	862.909.903
được chia			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu	30	(90.089.902.440)	482.909.903
tư			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	26.475.290.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	26.486.128.769	3.633.976.481
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.635.783.300)	(1.650.332.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	51.325.635.469	1.983.644.311
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	10.841.497.822	(35.910.853.929)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 4	14.298.158.780	50.209.012.709
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 4	25.139.656.602	14.298.158.780

Hải Phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Vũ Thị Lựu

Kế toán trưởng

Đỗ Ngọc Thắng

Giám đốc



Hoàng Đình Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng, (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy - đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), được thành lập theo Quyết định số 874/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2009 của Hội đồng quản trị (nay là Hội đồng thành viên) Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0201040588 ngày 01/03/2010, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 24/07/2025 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Lô 15, đường Lê Hồng Phong, Hải An, Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 53.750.790.000 đồng chia thành 5.375.079 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng góp 32.400.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 60,28%, các cổ đông khác góp 21.350.790.000 đồng, chiếm tỷ lệ 39,72%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 94 người (tại ngày 01/01/2025 là 93 người).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 21 tháng 07 năm 2017 với mã chứng khoán TUG.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Lai dất, hỗ trợ tàu ra vào cảng;
- Cung cấp dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa;
- Ứng phó sự cố tràn dầu tại các cảng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm cho tàu và ô tô được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm từ 9 đến 12 tháng.

3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.14 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông góp vốn được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ hỗ trợ lai đất, dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu, dịch vụ khác và doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá....

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền:

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	85.079.385	18.822.786
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.054.577.217	2.279.335.994
- Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	25.139.656.602	14.298.158.780

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 6.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng với lãi suất 4,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	618.235.682	157.610.382
- Chi phí bảo hiểm	199.355.846	157.610.382
- Các khoản khác	418.879.836	-
b) Dài hạn	4.785.773.210	5.378.983.385
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	315.968.406	395.314.250
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.239.685.278	4.927.979.372
- Các khoản khác	230.119.526	55.689.763
Cộng	5.404.008.892	5.536.593.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	16.368.468.372	(1.007.851.600)	19.240.761.019	(1.561.757.100)
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	6.466.939.296	-	5.793.055.612	-
- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	3.335.401.348	-	2.337.746.053	-
- Công ty TNHH Đóng tàu DAMEN Sông Cấm	194.400.000	-	1.827.748.800	-
- Binan Development Co.,Ltd	-	-	1.569.306.356	-
- Công ty Cổ phần Nosco Shipyard	-	-	1.121.787.000	(560.893.500)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC	-	-	872.240.000	-
- Phải thu khách hàng khác	6.371.727.728	(1.007.851.600)	5.718.877.198	(1.000.863.600)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	16.368.468.372	(1.007.851.600)	19.240.761.019	(1.561.757.100)

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 29.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	689.680.000	-	42.344.335.631	-
- Tổng công ty Sông Thu	-	-	41.631.415.631	-
- Viện thiết kế tàu Quân sự	-	-	405.000.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Quân Bảo	-	-	260.400.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tàu thủy Việt Hải	640.000.000	-	-	-
- Các nhà cung cấp khác	49.680.000	-	47.520.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	689.680.000	-	42.344.335.631	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	20.984.197	-	189.963.204	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.131.507	-	24.854.795	-
- Phải thu khác	8.852.690	-	165.108.409	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	20.984.197	-	189.963.204	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Nosco Shipyard	-	-	-	1.121.787.000	560.893.500	(560.893.500)
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Duyên Hải	442.535.600	-	(442.535.600)	442.535.600	-	(442.535.600)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lan Hương	304.618.000	-	(304.618.000)	304.618.000	-	(304.618.000)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải và Lai dắt Biển Đông	253.710.000	-	(253.710.000)	253.710.000	-	(253.710.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và vận tải 559	6.988.000	-	(6.988.000)	6.988.000	-	-
Cộng	1.007.851.600	-	(1.007.851.600)	2.129.638.600	560.893.500	(1.561.757.100)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.849.314.282	-	730.989.387	-
Cộng	1.849.314.282	-	730.989.387	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2025	353.118.405	41.637.719.839	201.927.727	42.192.765.971
- Mua trong năm	-	-	276.000.000	276.000.000
31/12/2025	<u>353.118.405</u>	<u>41.637.719.839</u>	<u>477.927.727</u>	<u>42.468.765.971</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2025	(353.118.405)	(41.605.233.521)	(201.927.727)	(42.160.279.653)
- Khấu hao trong năm	-	(32.486.318)	(23.000.000)	(55.486.318)
31/12/2025	<u>(353.118.405)</u>	<u>(41.637.719.839)</u>	<u>(224.927.727)</u>	<u>(42.215.765.971)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2025	-	32.486.318	-	32.486.318
31/12/2025	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>253.000.000</u>	<u>253.000.000</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 42.192.765.971 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 39.593.695.153 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	80.000.000	80.000.000
31/12/2025	80.000.000	80.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	(80.000.000)	(80.000.000)
31/12/2025	(80.000.000)	(80.000.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	-	-
31/12/2025	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 80.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 80.000.000 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Dự án đóng mới tàu lai AZIMUTH	91.192.271.637	840.417.508
Cộng	91.192.271.637	840.417.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ		trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.872.373.449	10.872.373.449	6.067.608.310	6.067.608.310
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.587.259.523	1.587.259.523	1.480.368.586	1.480.368.586
- Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	-	-	837.552.960	837.552.960
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải 568	1.916.400.000	1.916.400.000	646.350.000	646.350.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ tàu thủy Việt Hải	-	-	477.343.560	477.343.560
- Công ty TNHH Tuấn Châu	129.241.000	129.241.000	462.240.000	462.240.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ vận tải Petrol	700.180.000	700.180.000	428.625.600	428.625.600
- Công ty Cổ phần Haivanship group	1.664.924.220	1.664.924.220	-	-
- Công ty TNHH Thương mại sửa chữa tàu biển Tuấn Khải	1.074.600.000	1.074.600.000	79.000.000	79.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải thủy Hải Đăng	1.062.594.547	1.062.594.547	30.304.800	30.304.800
- Các nhà cung cấp khác	2.737.174.159	2.737.174.159	1.625.822.804	1.625.822.804
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.872.373.449	10.872.373.449	6.067.608.310	6.067.608.310

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 29.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	26.363.594	2.429.883.459	2.456.247.053	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	638.469.744	2.336.178.383	1.753.469.744	1.221.178.383
- Thuế thu nhập cá nhân	35.360.000	676.875.493	672.620.493	39.615.000
- Các loại thuế khác	-	3.412.244	3.412.244	-
Cộng	700.193.338	5.446.349.579	4.885.749.534	1.260.793.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	<u>VND</u>	trả nợ <u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	trả nợ <u>VND</u>
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	30.120.105.250	30.120.105.250	26.486.128.769	-	3.633.976.481	3.633.976.481
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng (1)	30.120.105.250	30.120.105.250	26.486.128.769	-	3.633.976.481	3.633.976.481
Cộng	30.120.105.250	30.120.105.250	26.486.128.769	-	3.633.976.481	3.633.976.481

- (1) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 25772786/2024/HDCVDADT ký ngày 02/8/2024 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng và Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

Thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư dự án đóng mới tàu lai AZIMUTH được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Pháp luật, không bao gồm lãi vay phát sinh trong thời gian thực hiện dự án.

Lãi suất vay: Lãi suất được quy định theo hợp đồng và giấy nhận nợ.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có của khách hàng thuộc dự án đóng mới tàu AZIMUTH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.588.656.579	381.373.296
- Chi phí thuê đất	1.111.308.668	-
- Chi phí nhân viên thuê ngoài	178.972.649	137.318.034
- Các khoản trích trước khác	298.375.262	244.055.262
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.588.656.579	381.373.296

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	574.834.507	555.957.687
- Ăn ca	117.400.000	76.772.000
- Kinh phí công đoàn	-	3.974.880
- Bảo hiểm xã hội	2.861.223	2.861.223
- Bảo hiểm y tế	1.131.316	1.131.316
- Bảo hiểm thất nghiệp	504.711	504.711
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	292.157.030	307.940.330
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.780.227	162.773.227
b) Dài hạn	-	-
Cộng	574.834.507	555.957.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	27.000.000.000	-	19.683.400.000	8.760.385.295	55.443.785.295
- Lãi trong năm	-	-	-	7.982.867.743	7.982.867.743
- Phân phối lợi nhuận	-	-	4.500.000.000	(8.760.385.295)	(4.260.385.295)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.500.000.000	(4.500.000.000)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.640.385.295)	(2.640.385.295)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
31/12/2024	27.000.000.000	-	24.183.400.000	7.982.867.743	59.166.267.743
01/01/2025	27.000.000.000	-	24.183.400.000	7.982.867.743	59.166.267.743
- Lãi trong năm	-	-	-	8.745.871.957	8.745.871.957
- Tăng vốn trong năm	26.750.790.000	-	-	-	26.750.790.000
- Chi phí tăng vốn trong năm	-	(275.500.000)	-	-	(275.500.000)
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	3.936.867.743	(7.982.867.743)	(4.046.000.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.936.867.743	(3.936.867.743)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.156.000.000)	(2.156.000.000)
+ Trích quỹ thưởng ban điều hành công ty	-	-	-	(270.000.000)	(270.000.000)
+ Chia cổ tức	-	-	-	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
31/12/2025	53.750.790.000	(275.500.000)	28.120.267.743	8.745.871.957	90.341.429.700

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết 01.2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	32.400.000.000	16.200.000.000
- Các cổ đông khác	21.350.790.000	10.800.000.000
Cộng	53.750.790.000	27.000.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	26.750.790.000	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	53.750.790.000	27.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	1.620.000.000	1.620.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.375.079	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.375.079	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.375.079	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.375.079	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.375.079	2.700.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu	102.480.901.865	99.879.225.052
- Dịch vụ hỗ trợ lai đất	81.687.772.222	75.183.824.873
- Dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu	2.531.682.623	1.216.788.890
- Dịch vụ khác	18.261.447.020	23.478.611.289
Cộng	102.480.901.865	99.879.225.052

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 29.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Dịch vụ hỗ trợ lai đất	59.137.530.778	55.608.748.987
- Dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu	464.811.273	155.205.933
- Dịch vụ khác	17.916.862.797	22.532.128.004
Cộng	77.519.204.848	78.296.082.924

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	525.228.401	772.203.054
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.614.310	-
Cộng	537.842.711	772.203.054

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	53.820	1.734.510
Cộng	53.820	1.734.510

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	8.635.394.366	7.110.666.664
- Chi phí vật liệu quản lý	86.910.039	182.810.854
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	23.000.000	-
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	59.345.273
- Chi phí dự phòng	(553.905.500)	560.893.500
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.163.627.120	2.163.844.067
- Chi phí bằng tiền khác	3.025.377.299	2.033.930.824
Cộng	14.383.403.324	12.111.491.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	22.600.724.565	23.354.584.553
- Chi phí nhân công	27.557.296.640	25.887.948.892
- Khấu hao tài sản cố định	55.486.318	259.907.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.544.806.824	36.977.599.662
- Chi phí dự phòng	(553.905.500)	560.893.500
- Chi phí bằng tiền khác	3.698.199.325	3.366.640.499
Cộng	91.902.608.172	90.407.574.106

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.082.050.340	10.186.823.487
Các khoản chi phí không được khấu trừ	598.841.577	832.955.232
- Các khoản chi phí (phạt)	-	37.976.002
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	498.000.000	420.000.000
- Chi phí không hợp lý khác	100.841.577	374.979.230
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.336.178.383	2.203.955.744
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.336.178.383	2.203.955.744

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.745.871.957	7.982.867.743
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.426.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.745.871.957	5.556.867.743
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.564.820	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.453	2.058

Trên cơ sở trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01.2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025, Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được trình bày lại là 2.058 VND/cổ phiếu (số đã trình bày là 2.957 VND/cổ phiếu).

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. THÔNG TIN KHÁC

29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có số dư và giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Công ty	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	Cùng công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cùng công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Cùng công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo cảng Hải Phòng	Cùng công ty mẹ
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	Cùng công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.169.974.037	53.426.898.067
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	41.075.618.793	39.151.679.465
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	10.593.196.764	12.707.518.602
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	1.029.700.000	1.567.700.000
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	7.471.458.480	-
Mua dịch vụ	6.486.252.438	5.515.035.309
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	5.775.349.314	4.545.616.809
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	612.237.224	902.351.400
- Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	48.435.900	47.267.100
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo cảng Hải Phòng	50.230.000	19.800.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	11.447.721.932	8.231.997.665
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	6.466.939.296	5.793.055.612
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	3.335.401.348	2.337.746.053
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	101.196.000	101.196.000
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế TIL Cảng Hải Phòng	1.544.185.288	-
Phải trả người bán	1.712.976.438	1.553.542.186
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.587.259.523	1.480.368.586
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chùa Vẽ	125.716.915	53.373.600
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Đào tạo cảng Hải Phòng	-	19.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên chủ chốt

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao của HĐQT	Chức vụ	432.000.000	432.000.000
Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Lê Minh Hải	Thành viên HĐQT	41.066.667	84.000.000
Nguyễn Văn Thanh	Thành viên HĐQT	41.066.667	84.000.000
Hoàng Đình Quang	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Chu Tất Đạt	Thành viên HĐQT	41.066.667	84.000.000
Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên HĐQT	42.933.333	-
Trần Đăng Phương	Thành viên HĐQT	42.933.333	-
Nguyễn Thị Ngọc Tú	Thành viên HĐQT	42.933.333	-
Thu nhập của Ban Giám đốc và người quản lý khác (không bao gồm Thù lao HĐQT)	Chức vụ	1.325.189.532	1.159.902.433
Hoàng Đình Quang	Giám đốc	791.725.782	681.413.500
Chu Tất Đạt	Phó Giám đốc	533.463.750	478.488.933
Thu nhập của Ban Kiểm soát	Chức vụ	228.000.000	228.000.000
Đào Ngọc Thành	Trưởng ban	84.000.000	84.000.000
Nhữ Văn Nguyên	Thành viên	35.200.000	72.000.000
Đặng Thị Vân Anh	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Vũ Thị Lan Anh	Thành viên	36.800.000	-
		1.985.189.532	1.819.902.433

29.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Lai đất và Vận tải Cảng Hải Phòng đã được kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Vũ Thị Lựu

Kế toán trưởng



Đỗ Ngọc Thắng

Giám đốc



Hoàng Đình Quang